

Matching

A		B
1. Hardworking		▲ a. Biết quan tâm
2. Patient		▲ b. Biết chia sẻ
3. Sympathetic		▲ c. Biết vâng lời
4. Being good listener		▲ d. Biết lắng nghe
5. Tolerant		▲ e. Biết cảm thông
6. Cooperative		▲ f. Kiên nhẫn
7. Caring		▲ g. Hợp tác
8. Easy-going		▲ h. Khoan dung
9. Helpful		▲ i. Dễ gần
10. Obedient		▲ j. Tốt bụng
11. Ready to share		▲ k. Chăm chỉ